

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ ĐỒN
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ ĐỒN, TỈNH BẮC KẠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lý Thị Minh Phương

2. Bà Trần Thị Miên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Mạc Thị Hà – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2023/TLST - HNGĐ ngày 07/4/2023 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 17/5/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Như Q; sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Anh Không Văn V; sinh năm 1990

Địa chỉ: Xóm C, xã C, huyện S, tỉnh V. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Như Q trình bày:

Chị Q và anh Không Văn V kết hôn vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh V vào ngày 11/6/2016 và được hai bên gia đình nhất trí tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã C, huyện S, tỉnh V được một thời gian thì chị Q chuyển về nhà mẹ đẻ tại thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn sinh sống. Đến năm 2017 khi anh V đi làm ăn xa thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do anh V không quan tâm đến gia đình, vợ con. Trong thời gian anh V đi làm ăn xa, chị Q và anh V không ai quan tâm đến ai, việc chăm sóc con cái cũng như giáo dục con đều là do chị Q tự mình đảm nhiệm, chị Q và anh V sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Chị Q xác định mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin ly hôn với anh V. Về con chung, chị Q và anh V có một con

chung tên là Không Kiều A, sinh ngày 16/12/2016. Hiện nay con chung đang sinh sống với chị Q tại thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Ly hôn chị Q có nguyện vọng được là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Không Văn V sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập anh V để làm việc nhưng anh V đều không đến Tòa làm việc, tuy nhiên anh V có nộp bản tự khai cho Tòa án, tại bản tự khai thể hiện về đời sống hôn nhân giữa anh và chị Q không hạnh phúc, anh V và chị Q đã sống ly thân từ năm 2018. Anh V xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh V nhất trí ly hôn với chị Q.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Q và anh V đều có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn trình bày rõ quan điểm xin được ly hôn, về con chung giao con cho chị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, về tư cách tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự; về thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự thủ của pháp luật tố tụng dân trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn với anh Không Văn V; về con chung: Giao con chung tên là Không Kiều A, sinh ngày 16/12/2016 cho chị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con: Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: không có yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Không Văn V có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nơi cư trú của bị đơn chị Nguyễn Thị Như Q giải quyết vụ án ly hôn. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 17/5/2023 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt hợp lệ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của chị Nguyễn Thị Như Q và anh Không Văn V đối chiếu với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Q và anh Không Văn V kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh V vào ngày 11/6/2016 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh V đi làm ăn xa ít khi về nhà, không quan tâm đến gia đình vợ con, chị Q và anh V sống ly thân từ năm 2018, cả Chị Q và anh V đều xác định mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đều có nguyện vọng được ly hôn. Như vậy có đủ căn cứ xác định hôn nhân của chị Q và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Chị Q và anh V có 01 con chung tên là tên là Không Kiều A, sinh ngày 16/12/2016, hiện nay con chung đang sinh sống với chị Q tại Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Hội đồng xét xử xét thấy chị Q và anh V đều thống nhất giao con cho chị Q được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hơn nữa hiện nay con chung đang sống cùng chị Q nên việc giao con chung cho chị Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Chị Q và anh Vững đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Như Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn với anh Không Văn Vững.

2. Về con chung: Giao con chung tên là tên là Khổng Kiều A, sinh ngày 16/12/2016 cho chị Nguyễn Thị Như Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh Khổng Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số 0001427 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS huyện Chợ Đồn;
- THADS huyện Chợ Đồn;
- UBND xã C, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc
- (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Triệu Văn Mẫn